

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2014

Số: 1025/QĐ-YDHP

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Đề cương chi tiết và
Chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp 1

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân .

Căn cứ quyết định 1636/BYT-QĐ ngày 25/05/2001 của Bộ Y tế ban hành quy chế đào tạo Bác sỹ chuyên khoa cấp 1 ngành Y.

Xét đề nghị của các ông Trưởng phòng Đào tạo sau Đại học, Trưởng Bộ môn liên quan

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Đề cương chi tiết và Chương trình đào tạo Chuyên khoa cấp 1 Răng Hàm Mặt, Mã số: 607228.CK

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học, Trưởng Bộ môn Răng Hàm Mặt và các bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GDĐT (để b/c)
- Lưu ĐTSĐH;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

**Chương trình chuyên khoa cấp I
chuyên ngành răng hàm mặt**

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG CHUYÊN KHOA I RĂNG HÀM MẶT

1. Các môn học chung

STT	Tên môn học	Tổng số ĐVHT tiết học	Phân bố ĐVHT/ tiết học	
			LT	TH
1	Triết học	6/6	6/6	0
2	Ngoại ngữ chuyên ngành	10/10	10/10	0
3	Tin học	4/4	2/2	2/2
Tổng		20/20	18/18	2/2

2. Các môn cơ sở và hỗ trợ:

STT	Tên môn học	Tổng số ĐVHT tiết học	Phân bố ĐVHT/ tiết học	
			LT	TH
1	Giải phẫu đầu mặt cổ	3/3	1/1	2/2
2	Tai - mũi - họng	4/4	1/1	3/3
3	Da liễu	3/3	1/1	2/2
Tổng		10/10	3/3	7/7

3. Các môn chuyên ngành:

STT	Tên môn học	Tổng số ĐVHT tiết học	Phân bố ĐVHT/ tiết học	
			LT	TH
1	1. Điều trị răng và nha chu	18/18	6/6	12/12
2	2. Phục hình và nắn chỉnh răng	12/12	4/4	8/8
3	3. Nhổ răng và tiểu phẫu thuật	10/10	4/4	7/7
4	4. Bệnh lý miệng - Hàm mặt	12/12	4/4	8/8
5	5. Nha cộng đồng	10/10	3/3	7/7
Cộng		62/62	20/20	42/42
Ôn thi Tốt nghiệp		8/8	3/3	5/5

CÁC MÔN HỌC CHUNG

A. CÁC MÔN HỌC CHUNG

TÊN MÔN HỌC: TRIẾT HỌC

1. Số ĐVHT: 6 ĐVHT

2. Số tiết học: 90 tiết

3. Số lần kiểm tra: 1

4. Chứng chỉ : 1

5. Mục tiêu môn học: Sau khi kết thúc khoá học học viên có khả năng:

5.1. Trình bày được những nội dung cơ bản của triết học.

5.2. Vận dụng có hiệu quả vào chuyên ngành của mình.

6. Nội dung:

STT	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thảo luận (tiết)	Tổng số (tiết)
1	Chương 1: Khái luận về triết học <i>Phần 1:</i> Triết học là gì ? <i>Phần 2:</i> Triết học phương Đông và Triết học phương Tây	16	4	20
2	Chương 2 : Triết học Mác – Lênin <i>Phần 1 :</i> Sự ra đời của Triết học Mác – Lênin <i>Phần 2 :</i> Chủ nghĩa duy vật biện chứng <i>Phần 3 :</i> Phép biện chứng duy vật <i>Phần 4 :</i> Chủ nghĩa duy vật lịch sử <i>Phần 5 :</i> Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay	30	15	45
3	Chương 3 : Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học <i>Phần 1 :</i> Mối quan hệ giữa khoa học và Triết học <i>Phần 2 :</i> Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học	7	3	10
4	Chương 4 : Vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội <i>Phần 1 :</i> Ý thức khoa học <i>Phần 2 :</i> Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội <i>Phần 3 :</i> Khoa học công nghệ ở Việt nam	10	5	15
5	Tổng	63 tiết	27 tiết	90 tiết

7. Phương pháp dạy học:

1. Thuyết trình

2. Thảo luận nhóm

3. Tự nghiên cứu

8. Phương pháp đánh giá:

1. Kiểm tra theo đơn vị học trình

2. Tiểu luận: 02 tiểu luận (Lịch sử triết học và các nguyên lý Mác-Lênin).

3. Thi chứng chỉ: Viết cải tiến.

9. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn triết học Mác - Lê nin trường Đại học Y Hải Phòng

10. Cán bộ giảng dạy:

1. ThS-GVC. Đào Nguyên Hùng - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.

2. ThS-GVC. Hoàng Minh Hương - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.

3. ThS-GVC-. Nguyễn Tiến Trường - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.

11. Tài liệu giảng dạy:

- Triết học dành cho cao học và nghiên cứu sinh nhà xuất bản chính trị quốc gia Hồ Chí Minh 1993 tập I, II , III.

- Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và X.

- Triết học Mác Lênin – Hội đồng lý luận TW –NXB chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

TÊN MÔN HỌC: NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGÀNH

1. Số đơn vị học trình: 10 LT:10 TH: 0

2. Số tiết học: 150 LT:150 TH: 0

3. Số lần kiểm tra: 2

4. Số chứng chỉ: 1

1. Mục tiêu học phần

- Sinh viên sử dụng được ngữ pháp và vốn từ vựng của trình độ tương đương B1 theo Khung Châu Âu chung.
- Sinh viên giao tiếp được bằng ngoại ngữ tương đương B1 với bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.
- Sinh viên sử dụng Ngoại ngữ để đọc hiểu và tra cứu được các tài liệu chuyên ngành Y
- Sinh viên sử dụng được một số cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cơ bản, thường gặp trong y văn.

2. Mô tả học phần:

Học phần được chia làm 2 giai đoạn:

_ Giai đoạn 1 (tương ứng với 05 đơn vị học trình, tức 75 tiết): Sinh viên thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với trình độ tương đương B1 theo khung Châu Âu. Sinh viên học từ vựng, ngữ pháp, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo định hướng của các bài thi lấy chứng chỉ B1.

_ Giai đoạn 2 (tương ứng với 05 đơn vị học trình, tức 75 tiết): Sinh viên được cung cấp từ vựng chuyên ngành và ngữ pháp thường gặp trong văn phong khoa học và các tài liệu chuyên ngành y.

3. Nội dung chi tiết:

1.1. Giai đoạn 2 (05 đơn vị học trình – 75 tiết):

STT		Số tiết
1	Unit1. Present tenses + Speaking	4
2	Unit 2. Past tenses + Speaking	4
3	Unit 4. Present perfect simple, present perfect continuous	4
4	Unit 5. Past perfect simple, past perfect continuous	4
5	Unit 7. Future time + Speaking	4
6	Unit 8. Preposition of time and place + Speaking	4
7	Unit 10. The passive 1	4
8	Unit 11. The passive 2	4
9	Revision	4
10	Vocabulary: Parts of the body + Body movement	4
11	Vocabulary: The senses + Feeling ill	4
12	Vocabulary: Injuries + At the doctor's	4

13	Vocabulary: In hospital + Reading: Stress	4
14	Reading: Drug abuse + Heart disease	4
15	Reading: Nutrition + Pregnancy	4
16	Group Presentation 1	4
17	Group Presentation 2	4
18	Group Presentation 3	4
19	Revision	3

1.2. Giai đoạn 2 (05 đơn vị học trình – 75 tiết):

STT	Tên bài	Số tiết
1	Unit 1. Shapes and Properties	4
2	Unit 2. Location	8
3	Unit 3. Structure	4
4	Unit 4. Revision A	4
5	Unit 5. Measurement	4
6	Unit 6. Function	8
7	Unit 7. Actions in sequence	4

STT	Tên bài	Số tiết
8	Unit 8. Revision B + Midterm Test	4
9	Unit 9. Quantity	4
10	Unit 10. Cause and Effect	8
11	Unit 11. Proportion	4
12	Unit 12. Revision C	4
13	Unit 13. Frequency and Probability	8
14	Unit 14. Method	4
15	Unit 15. Consolidation	3

4. Phương pháp dạy học:

- Thuyết trình, phát vấn
- Làm việc theo cặp/nhóm, thảo luận, đóng vai.

5. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Phần, bảng hoặc projector (power point),
- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

6. Lượng giá:

13.1. Đánh giá ban đầu:

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

13.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Điểm chuyên cần: được đánh giá dựa trên số buổi đi học và thái độ học tập tích cực trên lớp

- 01 bài kiểm tra giữa kỳ. Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

- Kết hợp điểm chuyên cần và Bài kiểm tra giữa kỳ là tiêu chí để xét Tư cách Sinh viên được dự thi đánh giá cuối kỳ.

13.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

_ 01 bài thi Nói hết học phần.

_ 01 bài thi Viết hết học phần.

- Thi viết: Dạng bài thi viết tự luận 120 phút

_ Trung bình cộng của Điểm thi Viết và thi Nói sẽ là điểm thi kết thúc học phần.

7. Tài liệu học tập:

Giai đoạn 1: Tài liệu luyện thi B1 Châu Âu: Destination B1 – Grammar and Vocabulary. Macmillan Press.

Giai đoạn 2: Giáo trình English for Medical students (Centre of Human Resources for Health – Ministry of Health)

8. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

9. Phương pháp dạy học:

_ Thuyết trình, phát vấn

_ Làm việc theo cặp/nhóm, thảo luận, đóng vai.

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

_ Phấn, bảng hoặc projector (power point),

_ Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

11. Lượng giá:

13.1. Đánh giá ban đầu:

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

13.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.

- Điểm chuyên cần: được đánh giá dựa trên số buổi đi học và thái độ học tập tích cực trên lớp

- 01 bài kiểm tra giữa kỳ. Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

- Kết hợp điểm chuyên cần và Bài kiểm tra giữa kỳ là tiêu chí để xét Tư cách Sinh viên được dự thi đánh giá cuối kỳ.

13.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- _ 01 bài thi Nói hết học phần.
- _ 01 bài thi Viết hết học phần.
- Thi viết: Dạng bài thi viết tự luận 120 phút
- _ Trung bình cộng của Điểm thi Viết và thi Nói sẽ là điểm thi kết thúc học phần.

12. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

13. Cán bộ tham gia giảng dạy:

- + GV Ths. Trần Thị Hòa
- + GV Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh
- + GV Ths. Đồng Quỳnh Trang
- + GV Ths. Nguyễn Ngọc Toàn

14. Tài liệu học tập:

Giai đoạn 1: Tài liệu luyện thi B1 Châu Âu: Destination B1 – Grammar and Vocabulary. Macmillan Press.

Giai đoạn 2: Giáo trình English for Medical students (Centre of Human Resources for Health – Ministry of Health)

TÊN MÔN HỌC: TOÁN - TIN ỨNG DỤNG LÂM SÀNG

1. Số đơn vị học trình: 4

LT: 2

TH: 2

2. Số tiết học: 60

LT:30

TH: 30

3. Số lần kiểm tra: 1

4. Số chứng chỉ: 1

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán học - Đại học Y Dược Hải Phòng.

CÁN BỘ GIẢNG DẠY

- ThS. Nguyễn Tiến Thắng

- ThS. Nguyễn Thị Hạnh Dung

- ThS. Đào Thu Hằng

MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Toán tin ứng dụng dành cho đối tượng Bác sĩ chuyên khoa cấp I (CK I) gồm 4 đơn vị học trình (2 ĐVHT lý thuyết và 2 ĐVHT thực hành).

Các tiết học lý thuyết được thực hiện trên giảng đường theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp. Các tiết học thực hành: học viên tự làm bài tập theo cá nhân, theo nhóm, có ứng dụng máy tính để xử lý số liệu dựa phần mềm thống kê SPSS.

Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Thiết kế cơ sở dữ liệu nghiên cứu. Kiểm tra tính toàn vẹn dữ liệu. Khử sai số và nhiễu.

Thống kê mô tả: Các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu.

Ước lượng trung bình, phương sai, *OR*, *RR*, hệ số tương quan tuyến tính,...

Kiểm định giả thiết thống kê: So sánh hai **hoặc** nhiều kỳ vọng, *ANOVA* một nhân tố, *ANOVA* hai nhân tố,

So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập của hai dấu hiệu theo phương pháp *Chi Square*,...

Các tiêu chuẩn kiểm định phi tham số: Tiêu chuẩn *Kolmogorov*, kiểm định theo dấu,...

Tương quan đa biến: Hệ số tương quan đa biến.

Tương quan riêng, phương pháp tìm đường hồi quy đa biến...

Tương quan giữa các biến định tính: Hệ số *K*, *F*, *P* hệ số *Sperman*, Hệ số *Pearson*,...

MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần, học viên có thể hiểu được một số phương pháp Toán thống kê cơ bản và nâng cao trong xử lý số liệu nghiên cứu y học. Vận dụng phần mềm để xử lý số liệu nghiên cứu y học trên máy vi tính. Tăng cường khả năng tư duy và khả năng làm việc theo nhóm.

NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết	
		LT	TH
1	Mẫu, các tham số đặc trưng của mẫu, công thức tính cỡ mẫu, tính cỡ mẫu trên máy tính	2	2
2	Xây dựng cấu trúc dữ liệu, sai số thô, nhiễu và các kỹ thuật làm sạch số liệu.	2	2
3	Nhập dữ liệu, các thao tác trên dữ liệu: Bổ xung, xóa, sắp xếp, tìm kiếm, mã hóa	2	2
4	Các tham số quần thể, tham số mẫu, tính các tham số đặc trưng mẫu. Ý nghĩa các tham số đặc trưng	2	2
5	Các bài toán ước lượng: Ước lượng trung bình, phương sai, ước lượng xác suất, <i>OR</i> , <i>RR</i> .	2	2
6	Kiểm định giả thiết thông kê: So sánh hai kỳ vọng, so sánh phương sai.	2	2
7	Thống kê phi tham số: So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra độc lập giữa các dấu hiệu định tính.	3	3
8	Một số kiểm định phi tham số khác: Tiêu chuẩn <i>Kolmogorov</i> , Kiểm định theo dấu, kiểm định đoạn mạch.	3	3

9	Tương quan tuyến tính đơn biến, hệ số tương quan tuyến tính, kiểm định mức độ tương quan. Đường hồi quy.	3	3
10	Tương quan đa biến. Lập đường hồi quy đa biến trên máy tính.	3	3
11	Tương quan giữa các biến định tính. Hệ số tương quan Q , hệ số tương quan F .	3	3
12	Liên quan giữa các đại lượng có thứ bậc, hệ số tương quan hạng <i>Sperman</i> , hệ số tương quan theo <i>Kendall</i> . Kiểm định tương quan theo, kiểm định sự độc lập.	3	3

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Lý thuyết: Giáo viên Thuyết trình, vấn đáp. Học viên tự nghiên cứu tài liệu.

Thực hành: Học viên tự làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Sử dụng máy tính và phần mềm *SPSS* để xử lý số liệu.

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

Tài liệu học tập:

Bài giảng môn Toán tin ứng dụng, Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2013.

Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê Y học (dùng cho học viên sau đại học), Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2015.
2. Lê Cự Linh, *Thống kê y tế công cộng (Phần thống kê cơ bản)*, NXB Y học, 2009.
3. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXB Giáo dục, 2002.
4. Phạm Việt Cường, *Thống kê y tế công cộng (Phần phân tích số liệu)*, NXB Y học, 2009.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO DẠY HỌC

Giảng đường, bảng, phấn, máy tính của học viên, máy chiếu.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành: 1 bài

Thi hết học phần: 1bài

B - Các môn hỗ trợ

Tên môn học: Giải phẫu đầu mặt cổ

1. Số đơn vị học trình: 3

LT: 1

TH: 2

2. Số tiết học: 45

LT: 15

TH: 30

3. Số lần kiểm tra: 1

4. Số chứng chỉ: 1

5. Mục tiêu học tập: Sau khi kết thúc môn học này học viên có khả năng
- Trình bày đ- ợc những kiến thức cơ bản về giải phẫu đầu mặt cổ.

6. Nội dung:

TT	Tên bài giảng - chuyên đề	Số tiết	
		LT	TH
1	Khối x- ơng và khớp đầu mặt	1	2
2	Cơ đầu mặt	1	2
3	Các xoang x- ơng thông với mũi	1	2
4	Động mạch cảnh: gốc, trong, ngoài	2	4
5	Các tĩnh mạch ở đầu mặt cổ, xoang tĩnh mạch sọ	2	4
6	12 đôi dây thần kinh sọ	4	4
7	Thần kinh thực vật vùng đầu mặt	2	2
8	Vùng mang tai	1	2
9	Họng và khoang quanh họng	1	2
10	Răng - Miệng - Tuyến n- ớc bọt vùng tr- ớc cổ	3	6
	Cộng	18	30

7. Ph- ơng pháp dạy học

- Thuyết trình

- Thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.

8. Ph- ơng pháp đánh giá:

- Trắc nghiệm.

9. Chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Giải phẫu Tr- ờng Đại học Y Hải Phòng.

10. Cán bộ giảng dạy:

11. Tài liệu giảng dạy:

- Nguyễn Quang Quyền - Bài giảng GP học, Tập 1 - NXB Y học chi nhánh TP HCM 1999.

- Nguyễn Quang Quyền - Bài giảng GP học, Tập 2 - NXB Y học chi nhánh TP HCM 1999.

- Nguyễn Hữu Chính - Bài giảng hệ Thân kinh trung - ơng - NXB Y học Hà Nội 2003.

Tên môn học: Tai - Mũi- Họng

1. Số đơn vị học trình: 4

LT: 1

TH: 3

2. Số tiết học: 60

LT: 20

TH: 40

3. Số lần kiểm tra: 1

4. Số chứng chỉ: 1

5. Mục tiêu học tập: Sau khi kết thúc môn học này học viên có khả năng

5.1. Trình bày đ- ợc những kiến thức cơ bản về một số bệnh TMH.

5.2. Chẩn đoán, xử trí đ- ợc một số bệnh th- ờng gặp ở TMH.

5.3. Chẩn đoán, xử trí cấp cứu thông th- ờng TMH.

6. Nội dung:

TT	Tên bài giảng - chuyên đề	Số tiết	
		LT	TH
1	Nhắc lại giải phẫu - sinh lý Tai-Mũi-Họng	2	4
2	Dị vật đ- ờng ăn - dị vật đ- ờng thở	2	4
3	Viêm tai x- ơng chũm	2	4
4	Biến chứng của VTXC	2	4
5	Họng và những vấn đề về họng	1	2
6	Chảy máu mũi	1	2
7	Chấn th- ơng x- ơng đá	1	2
8	□p xe họng	1	2
9	Viêm mũi - xoang	2	4
10	Khó thở trong TMH	1	2
11	K vòm họng	2	4
12	K thanh quản	1	2
13	Chấn th- ơng mũi xoang	1	2
14	K sàng hàm	1	2
	Cộng	20	40

7. Ph- ong pháp giảng dạy

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm

8. Ph- ong pháp đánh giá:

- Trắc nghiệm.
- Vấn đáp.

9. Chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Tai - Mũi - Họng Tr- ờng Đại Học Y Hải Phòng.

10. Cán bộ giảng dạy:

1. Ts. Vũ Văn Sản - Bộ môn Tai - Mũi - Họng ĐHYHP.

11. Tài liệu giảng dạy:

Giáo trình giảng dạy do Bộ môn Tai - Mũi - Họng ĐHYHP biên soạn.

Tên môn học: Da liễu

1. Số đơn vị học trình: 3 LT: 1 TH: 2
2. Số tiết học: 45 LT: 15 TH: 30
3. Số lần kiểm tra: 1
4. Số chứng chỉ: 1

5. Mục tiêu học tập: Sau khi kết thúc môn học này học viên có khả năng

5.1. Trình bày đ-ợc kiến thức cơ bản về một số bệnh da thông th-ờng.

5.2. Chẩn đoán và điều trị, quản lý một số bệnh da và bệnh lây truyền qua đ-ờng tình dục trong cộng đồng.

5.3. Trình bày đ-ợc các kiến thức cơ bản về một số bệnh LTQĐTD phổ biến.

6. Nội dung.

STT	Tên bài giảng - chuyên đề	Số tiết	
		LT	TH
1	Tổn th-ờng cơ bản, cách khám bệnh da liễu	1	2
2	Nhiễm độc da, dị ứng thuốc	2	4
3	Bệnh phong	2	4
4	Biểu hiện ngoài da, niêm mạc th-ờng gặp ở bệnh nhân nhiễm HIV/ AIDS	1	2
5	Bệnh vảy nến	1	2
6	Bệnh da có bóng n-ớc th-ờng gặp (chốc, Zona, Herpes), Aphte miệng.	2	4
7	Bệnh da có mụn n-ớc (ghẻ, nấm da, viêm da cơ địa)	2	4
8	Bệnh lậu và viêm niệu đạo không do lậu	2	4
9	Bệnh giang mai	1	2
10	Quản lý các bệnh lây truyền qua đ-ờng tình dục theo hội chứng	1	2
	Cộng	15	30

7. Ph- ơng pháp giảng dạy

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm

8. Ph- ơng pháp đánh giá:

- Trắc nghiệm.

9. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn Da liễu Tr- ờng Đại Học Y Hải Phòng.

10. Cán bộ giảng dạy:

1. Bs CKII. Doãn Thị Mùi - Bộ môn Da liễu ĐHYHP.

11. Tài liệu giảng dạy:

Giáo trình giảng dạy do Bộ môn Da liễu ĐHYHP biên soạn.

c. Các Môn Chuyên ngành

Tên môn học 1: Điều Trị răng và nha chu

1.Số đơn vị học trình: 18 LT: 6 TH: 12

2.Số tiết học : 270 LT: 90 TH: 180

3.Số chứng chỉ : 01

4.Mục tiêu học tập: Sau khi kết thúc môn học này học viên có khả năng

4.1. Trình bày đ-ợc những kiến thức chuyên sâu về tình trạng bệnh lý của răng trên ph-ơng diện sinh bệnh học, dịch tế học và những yếu tố gây sâu răng.

4.2. Trình bày đ-ợc những kiến thức cơ bản về nha khoa can thiệp tối thiểu trong thực hành răng.

4.3. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều trị tuỷ răng căn bản và hiện đại trên tinh thần bảo tồn cao độ và kiểm soát đ-ợc những biến chứng có thể xảy ra.

4.4. Chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị đ-ợc bệnh nha chu.

4.5. Thực hiện đ-ợc các phẫu thuật trong điều trị nha chu và xử trí đúng và kịp thời các tai biến xảy ra khi thực hiện ca phẫu thuật.

5. Nội dung:

STT	Tên bài giảng - chuyên đề	Số tiết	
		LT	TH
1	Sâu răng	6	12
2	Tổng quan về nội nha	4	8
3	Bệnh lý tuỷ răng	6	12
4	Bệnh lý viêm quanh cuống răng	6	12
5	Xử lý đau trong chữa răng và nội nha	5	10
6	Những kỹ thuật tái tạo răng hiện đại	6	112
7	Tái tạo răng sau điều trị nội nha	6	12
8	Liên hệ giữa nội nha và nha chu	6	12
9	Vật liệu nha khoa	5	10
10	Những yếu tố nguy cơ của bệnh nha chu	4	8
11	Sự liên quan giữa bệnh nha chu và toàn thân	4	8
12	Miễn dịch trong nha chu	5	10
13	Chẩn đoán và kế hoạch trong điều trị nha chu	6	12
14	Phẫu thuật tạo vạt	7	14
15	Phẫu thuật ghép x-ơng trong điều trị nha chu	7	14
16	Phẫu thuật niêm mạc - lợi	7	14

6. Ph- ong pháp giảng dạy

- Thuyết trình, Powerpoint.
- Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng.

7. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn Răng Hàm mặt Tr- ờng Đại Học Y Hải Phòng.

8. Cán bộ giảng dạy:

1. PGS TS Đỗ Quang Trung - Tr- ờng Đại học Y Hà Nội (Thỉnh giảng)
2. PGS TS. Trịnh Đình Hải - Tr- ờng ĐH Răng Hàm Mặt (Thỉnh giảng).
3. Bs CKII. Phạm Văn Liệu.
4. Bs CKII. Nguyễn Thị Thu.

9. Ph- ong pháp đánh giá:

- Lý thuyết: thi viết cải tiến, trắc nghiệm.
- Thực hành: chỉ tiêu thực hành lâm sàng
bảng kiểm.

10. Tài liệu dạy học:

- Bộ môn RHM tr- ờng Đại học Y Hà Nội: Răng Hàm Mặt Tập I. NXB Y học Hà Nội 1977.
- Đỗ Quang Trung: Bệnh học vùng quanh răng - Đại học Y HN.
- Bộ môn chữa răng nội nha, ĐHYD TP HCM: Bài giảng Nội nha - 1999.
- Nguyễn Cẩn, Võ Chí Hùng: Bài giảng Nha chu học - ĐHYD TP HCM 1997.
- Bộ môn RHM tr- ờng ĐHY Hải Phòng: Tài liệu học tập Răng Hàm Mặt - Dự án Việt Nam- Hà Lan 2004.

Tên môn học 2: phục hình và nắn chỉnh răng

- 1.Số đơn vị học trình: 12 LT: 4 TH: 8
2.Số tiết học : 180 LT: 60 TH: 120
3.Số lần kiểm tra: 01 Số chứng chỉ : 01

4.Mục tiêu học tập : Sau khi kết thúc môn học này học viên có khả năng

4.1. Lập đ-ợc kế hoạch điều trị phục hình thích hợp và thực hiện tốt các phục hình răng cố định, tháo lắp có chức năng, thẩm mỹ và bền vững.

4.2. Chỉ định đúng và thực hiện tốt việc điều trị phục hồi răng cố định.

4.3. Chỉ định đúng và thực hiện tốt việc điều trị phục hồi răng tháo lắp: Hàm nhựa, hàm khung.

4.4. Trình bày đ-ợc các b-ớc cơ bản cấy ghép nha khoa (Dental Implant).

4.5. Chỉ định đúng và thực hiện đ-ợc việc điều trị nắn chỉnh nha hàm tháo lắp

5. Nội dung:

STT	Tên bài giảng - chuyên đề	Số tiết	
		LT	TH
1	Phục hình răng cố định	10	20
2	Phục hình răng tháo lắp bán hàm	10	20
3	Phục hình răng tháo lắp toàn bộ	15	30
4	Cấy ghép nha khoa	10	20
5	Nắn chỉnh răng	15	30
	Cộng	60	120

6. Ph- ong pháp giảng dạy

- Thuyết trình, Powerpoint.
- Thực hành lâm sàng, thảo luận nhóm.

7. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn Răng Hàm mặt Tr- ờng Đại Học Y Hải Phòng.

8. Cán bộ giảng dạy:

1. Bs CKII. Phạm Văn Liệu.
2. Bs CKII. Nguyễn Thị L- ong.

9. Ph- ong pháp đánh giá:

- Lý thuyết: thi viết cải tiến, trắc nghiệm.

- Thực hành: chỉ tiêu trên thực hành lâm sàng, sản phẩm.

10. Tài liệu dạy học:

- Bộ môn RHM trường Đại học Y Hà Nội: Răng Hàm Mặt Tập I. NXB Y học Hà Nội 1977.

- Trần Thiên Lộc: Phục hình răng cố định - NXB Y học chi nhánh TP HCM 2004.

- Trần Thiên Lộc: Phục hình răng tháo lắp toàn hàm- NXB Y học chi nhánh TP HCM 2003.

- Hoang Tử Hùng: Cấn khớp học - NXB Y học chi nhánh TP HCM 2005.

- Bộ môn RHM trường ĐHY D- ọc TP HCM: Chính hình răng mặt - NXB Y học chi nhánh TP HCM.

- Bộ môn RHM trường ĐHY Hải Phòng: Tài liệu học tập Răng Hàm Mặt - Dự án Việt Nam- Hà Lan 2004.

Tên môn học 3: nhổ răng và tiểu phẫu thuật

1.Số đơn vị học trình: 10

LT: 3

TH: 7

2.Số tiết học : 150

LT: 45

TH: 105

3.Số lần kiểm tra: 01

Số chứng chỉ

: 01

4.Mục tiêu học tập: Sau khi kết thúc môn học này học viên có khả năng

4.1. Thực hành thành thạo các kỹ thuật gây tê tại chỗ và gây tê vùng.

4.2. Thực hiện một số ca phẫu thuật nhổ răng, phẫu thuật nang, cắt cuống, tiền phục hình.

4.3. Xử trí đúng và kịp thời các tai biến xảy ra khi thực hiện phẫu thuật.

5. Nội dung:

STT	Tên bài giảng - chuyên đề	Số tiết	
		LT	TH
1	Đau, ng- ỡng đau và kiểm soát đau.	4	8
2	Thuốc tê, kỹ thuật gây tê tại chỗ và tê vùng	7	14
3	Phẫu thuật răng khôn hàm trên và d- ới	7	14
4	Phẫu thuật răng ngầm	7	19
5	Phẫu thuật cắt cuống răng, lấy bỏ nang chân răng	8	21
6	Phẫu thuật tr- ớc khi phục hình	8	21
7	Tai biến do nhổ răng	4	8
	Cộng	45	105

6. Ph- ơng pháp giảng dạy

- Thuyết trình, Powerpoint.
- Thực hành lâm sàng, thảo luận nhóm.

7. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn Răng Hàm mặt Tr- ờng Đại Học Y Hải Phòng.

8. Cán bộ giảng dạy:

1. Bs CKII. Phạm Văn Liệu.
2. Bs CKII. Nguyễn Thị Thu.
3. Bs CKII. Nguyễn Thị Lý.

9. Ph- ơng pháp đánh giá:

- Lý thuyết: thi viết cải tiến, trắc nghiệm.

- Thực hành: chỉ tiêu trên thực hành lâm sàng, bảng kiểm.

10. Tài liệu dạy học:

- Bộ môn RHM tr- ờng Đại học Y Hà Nội: Răng Hàm Mặt Tập I. NXB Y học Hà Nội 1977.

- GUYSTAVO GINEXTÊ: Giải phẫu miệng và hàm mặt - Viện thông tin th- viện Y học trung - ơng 1987.

- Bộ môn RHM tr- ờng ĐHY Hải Phòng: Tài liệu học tập Răng Hàm Mặt - Dự án Việt Nam- Hà Lan 2004.

Tên môn học 4: bệnh lý miệng, hàm mặt

1.Số đơn vị học trình: 12 LT: 4 TH: 8

2.Số tiết học : 180 LT: 60 TH: 120

3.Số lần kiểm tra: 01 Số chứng chỉ : 01

4.Mục tiêu học tập: Sau khi kết thúc môn học này học viên có khả năng

4.1. Trình bày các vấn đề cơ bản về bệnh học miệng.

4.2. Chẩn đoán và điều trị đ-ợc các tổn th-ơng phổ biến ở vùng miệng -hàm mặt.

4.3. Xử trí thành thạo các cấp cứu về hàm mặt: chống ngạt thở, chống chảy máu, chống choáng, chống nhiễm trùng.

4.4. Chẩn đoán và xử trí đ-ợc các chấn th-ơng vùng hàm mặt.

4.5. Chẩn đoán và xử trí đ-ợc dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt.

4.6. Chẩn đoán và xử trí đ-ợc các khối u, nang vùng hàm mặt.

5. Nội dung:

STT	Tên bài giảng - chuyên đề	Số tiết	
		LT	TH
1	Đặc điểm giải phẫu sinh lý vùng miệng, hàm mặt	4	8
2	Viêm nhiễm vùng miệng, hàm mặt	8	16
3	Khối u vùng miệng, hàm mặt	8	16
4	Các tổn th-ơng phổ biến vùng miệng, hàm mặt	8	16
5	Xử trí cấp cứu chấn th-ơng hàm mặt	5	10
6	Vết th-ơng phần mềm vùng hàm mặt	5	10
7	Chấn th-ơng gãy x-ơng vùng hàm mặt	12	24
8	Dị tật bẩm sinh vùng miệng, hàm mặt	10	20
	Cộng	60	120

6. Ph-ơng pháp giảng dạy

- Thuyết trình, Powerpoint.
- Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng.

7. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn Răng Hàm mặt Tr-ờng Đại Học Y Hải Phòng.

8. Cán bộ giảng dạy:

1. TS. Phạm D- ơng Châu – Viện Răng Hàm Mặt Quốc gia (Thỉnh giảng)
2. Bs CKII. Phạm Văn Liệu.
3. Bs CKII. Nguyễn Thị Thu.
4. Bs CKII. Nguyễn Thị Lý.
5. Bs CKII. Nguyễn Thị L- ơng.

9. Ph- ơng pháp đánh giá:

- Lý thuyết: thi viết cải tiến, trắc nghiệm.
- Thực hành: bệnh án, chỉ tiêu thực hành lâm sàng

10. Tài liệu dạy học:

- Bộ môn RHM tr- ờng Đại học Y Hà Nội: Răng Hàm Mặt Tập II. NXB Y học Hà Nội 1979.
- Khoa RHM ĐHYD TP HCM: Chấn th- ơng hàm mặt - Bài giảng 1999.
- Bộ môn RHM ĐHYD TP HCM: Bệnh học miệng - NXB Y học chi nhánh TP HCM.
- Bộ môn RHM tr- ờng ĐHY Hải Phòng: Tài liệu học tập Răng Hàm Mặt - Dự án Việt Nam- Hà Lan 2004.

Tên môn học 5: Nha cộng đồng

1.Số đơn vị học trình: 10

LT: 3

TH: 7

2.Số tiết học : 150

LT: 45

TH: 105

3.Số lần kiểm tra: 01

Số chứng chỉ

: 01

4.Mục tiêu học tập: Sau khi kết thúc môn học này học viên có khả năng

4.1. Tổ chức và thực hiện đ-ợc một ch-ơng trình điều tra tình hình sức khoẻ răng miệng cho một cộng đồng.

4.2. Lập kế hoạch chăm sóc sức khoẻ răng miệng về bệnh sâu răng và nha chu cho một cộng đồng.

4.3. Áp dụng thành thạo đ-ợc các biện pháp dự phòng cho cá nhân và cộng đồng.

4.4. Mô tả đ-ợc hệ thống tổ chức về điều trị và dự phòng ngành Răng - Hàm - Mặt tại Việt Nam.

4.5. Phân tích đ-ợc vai trò xã hội và cách sống ảnh h-ởng tình trạng sức khoẻ của cá nhân và cộng đồng.

5. Nội dung:

STT	Tên bài giảng - chuyên đề	Số tiết	
		LT	TH
1	Chăm sóc sức khoẻ răng miệng: Mục tiêu và chiến l-ợc	9	0
2	Điều tra cơ bản sức khoẻ răng miệng	18	54
3	Phòng chống bệnh sâu răng cho cộng đồng	6	27
4	Phòng chống bệnh quanh răng cho cộng đồng	6	12
5	Điều tra lệch lạc và dự phòng lệch lạc răng miệng	6	12
Cộng		45	105

6. Ph- ơng pháp giảng dạy

- Thuyết trình, Powerpoint.

- Thảo luận nhóm, thực hành tại cộng đồng.

7. Chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn Răng Hàm mặt Tr- ờng Đại Học Y Hải Phòng.

8. Cán bộ giảng dạy:

1. PGS TS. Đỗ Quang Trung - Tr- ờng ĐH Y Hà Nội (Thỉnh giảng).
2. PGS TS. Trịnh Đình Hải - Tr- ờng ĐH Răng Hàm Mặt (Thỉnh giảng).
3. Bs CKII. Phạm Văn Liệu.
4. Bs CKII. Nguyễn Thị Thu.

9. Ph- ơng pháp đánh giá:

- Lý thuyết: thi viết cải tiến, trắc nghiệm.
- Thực hành: chỉ tiêu thực hành cộng đồng

10. Tài liệu dạy học:

- Trần Văn Tr- ờng, Lâm Ngọc □n, Trịnh Đình Hải 2002 : Điều tra sức khoẻ răng miệng toàn quốc - NXB Y học trang 1 - 108.
- Đại học Y D- ợc TP Hồ Chí Minh: Nha khoa phòng ngừa - 1999.

H- ớng dẫn thực hiện ch- ớng trình

1. Ch- ớng trình: Bác sĩ chuyên khoa cấp I Răng-Hàm-Mặt.

2. Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:

2.1. Nội dung:

Xếp lịch học theo thứ tự sau:

- Các môn chung học trong học kỳ I.
- Các môn cơ sở và hỗ trợ học trong học kỳ II.
- Các môn chuyên ngành học trong học kỳ III và IV.
- Riêng môn ngoại ngữ học xen kẽ với các môn trên trong học kỳ I, II, III.
- Thi tốt nghiệp vào học kỳ IV.
- Trong thời gian này có 4 tuần đi thực địa: tại các trung tâm y tế quận, huyện, các trạm y tế xã, ph- ờng, các tr- ờng tiểu học có ch- ớng trình nha học đ- ờng.

1 đơn vị học trình lý thuyết = 15 tiết chuẩn = 15 tiết lý thuyết

1 đơn vị học trình thực hành tại Bv = 15 tiết chuẩn = 45 tiết thực hành

1 đơn vị học trình tại phòng học hoặc phòng xét nghiệm = 15 tiết chuẩn = 30 tiết thực hành.

2.2. Quỹ thời gian (tính theo tuần)

Học kỳ	Học tập	Thi	Tết/Hè	Hoạt động khác	Dự trữ	Tổng
I	18	2	3	1	1	25
II	18	2	3	1	1	25
III	18	2	3	1	1	25
IV	16	4	3	1	1	25
Tổng	70	10	12	4	4	100

3. Thực hành lâm sàng và thực tế tại cộng đồng:

3.1. Thực hành lâm sàng:

Khoa Răng-Hàm-Mặt Bệnh viện Việt Tiệp.

Cơ sở điều trị Răng-Hàm-Mặt tại tr- ờng Đại học Y Hải Phòng.

Các khoa: Tai Mũi Họng, Khoa Da liễu Bệnh viện Việt Tiệp.

Các phòng khám, phòng thực hành, xét nghiệm của Tr- ờng Đại học Y Hải Phòng.

3.2. Thực tế tại cộng đồng:

Trung tâm y tế 5 quận huyện thuộc Hải Phòng.

Các Trạm y tế xã, phường, các trường tiểu học có bố trí chương trình nha học đồng.

4. Kiểm tra, thi:

4.1. Kiểm tra sau mỗi môn học:

- Lý thuyết: thi viết cải tiến, trắc nghiệm để đánh giá kiến thức.
- Thực hành: chỉ tiêu thực hành, bảng kiểm, để đánh giá khả năng thực hành tay nghề.

4.2. Thi tốt nghiệp:

- Lý thuyết: Thi viết cải tiến.
- Thực hành: Trình bày bệnh án, tay nghề về một bệnh cụ thể sau khi bác thăm.

4.3. Cách tính điểm:

- Thi lý thuyết: thang điểm 10.
- Thi thực hành tay nghề: làm thủ thuật - thang điểm 10
- Thi thực hành bệnh án: làm bệnh án - thang điểm 10.
- Thiếu điểm hoặc không đạt điểm môn học nào thì thi lại môn học đó (chỉ thi lại một lần).

* 3 điểm này độc lập trong đồng nhau.

Danh sách giảng viên giảng dạy từng môn học

1. Môn: Triết học

1. Ths. Đào Nguyên Hùng - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.
2. Ths. Hoàng Minh H- ờng - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.
3. Ths. Nguyễn Tiến Tr- ởng - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.

2. Môn: Ngoại ngữ chuyên ngành

1. Ths. Trần Thị Thanh H- ơng - Bộ môn Ngoại ngữ ĐHYHP.
2. Ths. Nguyễn □nh Hồng - Bộ môn Ngoại ngữ ĐHYHP.
3. Ths. Vũ Thị Tuyết - Bộ môn Ngoại ngữ ĐHYHP.

3. Môn: Tin học

1. Ths. Nguyễn Tiến Thắng - Bộ môn Toán- Lý-Tin ĐHYHP.
2. Ths. Nguyễn Hạnh Dung - Bộ môn Toán- Lý-Tin ĐHYHP.

4. Môn: Giải phẫu đầu mặt cổ

1. PGS. Ts. Nguyễn Hữu Chính - Bộ môn GP ĐHYHP.

5. Môn: Tai mũi họng

1. Ts. Vũ Văn Sản - Bộ môn Tai - Mũi - Họng ĐHYHP.

6. Môn: Da liễu

1. Bs CKII. Doãn Thị Mùi - Bộ môn Da liễu ĐHYHP.

7. Các môn chuyên ngành:

1. PGS. TS. Đỗ Quang Trung - Tr- ởng Đại học Y Hà Nội (Thỉnh giảng)
2. PGS TS. Trịnh Đình Hải - Tr- ởng ĐH Răng Hàm Mặt (Thỉnh giảng).
3. TS. Phạm D- ơng Châu – Viện Răng Hàm Mặt Quốc gia (Thỉnh giảng)
4. Bs CKII. Phạm Văn Liệu.
5. Bs CKII. Nguyễn Thị Thu (Giảng viên kiêm chức).
7. Bs CKII. Nguyễn Thị Lý (Giảng viên kiêm chức).
8. Bs CKII. Nguyễn Thị L- ơng (Giảng viên kiêm chức).

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*